

Số: 145/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai cụ thể hóa những nội dung cơ bản của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cho giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như nhu cầu thực tế đặt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu

- Tổ chức thực hiện Chiến lược phải đúng quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, đơn vị.

- Xác định rõ trách nhiệm đầu mối, phối hợp của các cấp, các ngành trong từng hoạt động, từng lĩnh vực cụ thể để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Thừa Thiên Huế theo định hướng đổi mới, phát triển đảm bảo công bằng, hiệu quả, chất lượng, có tính giải trình, bền vững và có khả năng chống chịu, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, góp phần nâng

cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện; chủ động trong phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch tễ chặt chẽ, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số ca mắc, tử vong và tác hại của dịch. Bảo đảm an ninh y tế, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, chuẩn bị, ứng phó với dịch bệnh và các tình huống y tế công cộng khẩn cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu tác hại do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu gây ra đối với sức khỏe. Từng bước kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, nâng cao năng lực quản lý môi trường y tế, các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích và nâng cao sức khỏe người dân.

b) củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới, xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu vững mạnh. Tăng cường hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế đáp ứng với sự thay đổi của mô hình bệnh tật, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Thu hẹp khoảng cách về bệnh tật, tử vong giữa các vùng sinh thái, các nhóm dân tộc. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp công - tư trong cung ứng dịch vụ y tế.

c) Phân đầu đạt mức sinh thay thế vào năm 2030 và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng ưu tiên.

d) Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu, đặc biệt nhân lực cho y tế cơ sở, khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo; tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng; bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

đ) Công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong dự phòng, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh tật, nghiên cứu và phát triển dược, thiết bị y tế được chú trọng; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát huy vai trò công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn y tế.

e) Bảo đảm việc tiếp cận và tính sẵn có của thuốc, vắc xin, sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng với giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; ưu tiên phát triển công nghiệp dược, dược liệu và thiết bị y tế trong nước. Thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc thực phẩm.

g) Tăng tỷ trọng chi tiêu công cho y tế, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách và các nguồn lực cho y tế, đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Ưu tiên ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, dân số, y tế cơ sở, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biển đảo, bãi ngang ven biển, các khu vực khó khăn.

h) Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, chính sách y tế tiếp tục được đổi mới, bảo đảm chất lượng, đầy đủ, đồng bộ; năng lực quản trị hệ thống y tế được nâng cao theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, hiện đại, hội nhập.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2045

Hệ thống y tế phát triển hiện đại, hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân, đạt bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

4. Chỉ tiêu y tế cơ bản

(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao sức khỏe nhân dân

a) Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ban ngành, đoàn thể và nhân dân; đồng thời huy động các tổ chức kinh tế, xã hội và toàn thể nhân dân tích cực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đưa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân thành một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể hóa thành những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản; hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp.

b) Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam; Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân; Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030. Đa dạng hóa nội dung và đổi mới hình thức truyền thông, giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong tự chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia,...

c) Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể trạng, tầm vóc, phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng sinh thái, dân tộc.

d) Tập trung cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật, ưu tiên các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, biên đảo, khu vực khó khăn nhằm giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng sinh thái. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030.

đ) Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thống nhất đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm. Xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh

theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

e) Thực hiện chăm sóc dài hạn, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người lao động, người cao tuổi, người khuyết tật, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích tại cộng đồng; tăng cường công tác y tế học đường. Thực hiện hiệu quả Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021- 2025, Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi của tỉnh đến năm 2030.

g) Phòng chống tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất và chất thải độc hại đến sức khỏe con người. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi nhằm tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia và nhà tiêu hợp vệ sinh, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

a) Tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, đặc biệt là các dịch bệnh mới nổi, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tăng số loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng phù hợp với khả năng ngân sách.

b) Tăng nguồn lực trong nước cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao để thực hiện mục tiêu cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao vào năm 2030 và phân đầu duy trì loại trừ sốt rét.

c) Tăng cường sàng lọc, phát hiện, điều trị và quản lý các bệnh không lây nhiễm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh. Chú trọng sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật; phân đầu đến năm 2030, người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phòng chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2025 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

d) Đẩy mạnh quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, thiết lập hệ thống chuyên tuyến chuyên môn linh hoạt.

đ) Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới, với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân. Thực hiện Kế hoạch 154-KH/TU ngày 29/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị 25-CT/TW và Kế hoạch

103/KH-UBND ngày 04/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.

e) Thống nhất mô hình tổ chức, quản lý với trung tâm y tế cấp huyện theo hướng chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tổ chức và hoạt động của trạm y tế phải phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận của người dân. Các huyện, thị xã, thành phố có mật độ dân cư cao sắp xếp trạm y tế theo quy mô dân số, không nhất thiết theo địa giới hành chính. Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất căn cứ quy mô lao động, điều kiện thực tiễn và nhu cầu để thành lập cơ sở y tế phù hợp.

3. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và sự hài lòng của người bệnh

a) nỗ lực về mọi mặt để hiện thực hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 09/8/2021 của Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI với mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 xây dựng, phát triển Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm khoa học, công nghệ cao về y học, ngang tầm các trung tâm y tế lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, tiên tiến. Thúc đẩy y tế trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương, xứng tầm là trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước và khu vực Đông Nam Á; đóng góp lớn vào quá trình phát triển toàn diện con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội bền vững.

b) Nâng cao và công bằng trong tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng có chất lượng, rút ngắn khoảng cách giữa các tuyến, các vùng miền, từng bước thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện, đặc biệt với những nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương, khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, đối tượng chính sách.

c) Hoàn thiện phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị y học hiện đại, y học cổ truyền, chuẩn hóa mã bệnh theo quốc tế; hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chống kháng thuốc. Ban hành tiêu chí đánh giá, thực hiện kiểm định độc lập chất lượng bệnh viện phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Đảm bảo sự kết nối, tương tác hiệu quả giữa các cấp độ chăm sóc, giữa khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao năng lực cấp cứu ngoại viện và chất lượng chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Nâng cao năng lực của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh trong chuẩn bị và ứng phó hiệu quả với dịch bệnh, đặc biệt là hội sức tích cực, đồng thời đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hàng ngày cho người bệnh.

e) Tập trung mở rộng hoạt động khám bệnh, chữa bệnh từ xa để người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế chất lượng ngay tại y tế cơ sở. Tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên môn trong trường hợp vượt quá khả

năng điều trị tại chỗ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về giảm quá tải bệnh viện tuyến trên.

g) Thực hiện công khai dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh giữa các bệnh viện, hạn chế tình trạng cung ứng các dịch vụ y tế quá mức cần thiết. Đảm bảo các tuyến thực hiện được dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, tiến tới bảo đảm chất lượng chuyên môn từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến.

h) Phát huy lợi thế và kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại; kết hợp quân dân y. Phát triển toàn diện y dược cổ truyền, tăng cường kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại nhằm bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại tại tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030. Gắn phát triển dược liệu với phát triển kinh tế - xã hội.

k) Cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu của người lao động tại các khu công nghiệp. Chú trọng liên kết với ngành du lịch để hình thành sản phẩm du lịch kết hợp với chăm sóc y tế góp phần phát triển kinh tế.

4. Công tác dân số và phát triển

a) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Công tác Dân số Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Thừa Thiên Huế. Thực hiện hiệu quả Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 để đạt mức sinh thay thế và duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; quy mô, cơ cấu, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Có chính sách và biện pháp phù hợp để người dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, nhất là trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư... Tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

5. Phát triển nhân lực y tế

a) Đổi mới toàn diện công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nhân lực cho y tế cơ sở. Đổi mới chương trình đào tạo, chú trọng nâng cao năng lực thực hành và chuyên môn. Đổi mới việc thi, cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định hiện hành. Tổ chức thực hiện và điều chỉnh phù hợp đề án Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

b) Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng, cơ cấu phù hợp và chất lượng nhân lực y tế cho từng vùng, từng cấp độ chăm sóc và từng chuyên khoa, đặc biệt một số chuyên khoa khó tuyển như lao, phong, tâm thần, pháp y, giải phẫu bệnh, hồi sức cấp cứu, truyền nhiễm, y học cổ truyền... Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 28/03/2023 về việc thực hiện Nghị quyết số 33/2022/NQ-

HĐND của HĐND tỉnh “Quy định Chính sách thu hút nguồn nhân lực bác sĩ cho ngành Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2023 - 2025”.

c) Xây dựng và ban hành các chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, trình độ đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe. Từng bước bảo đảm nhân lực y tế đạt các tiêu chuẩn, tiêu chí như của các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD).

d) Thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế. Có các chính sách đột phá để thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi làm việc, gắn bó lâu dài tại y tế cơ sở, nhất là vùng khó khăn, biên giới, biển đảo và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong, y học cổ truyền...

6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

a) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong phòng bệnh, phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh đặc biệt nguy hiểm; dịch bệnh mới phát sinh; nghiên cứu thích ứng với quá trình già hóa dân số.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kỹ thuật tiên tiến.

c) Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến để sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế, thiết bị y tế có chất lượng cao.

d) Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý chất lượng sản phẩm thuốc, thực phẩm, thiết bị y tế.

7. Phát triển sản xuất, cung ứng thuốc, thiết bị y tế

a) Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hướng tới mục tiêu phát triển ngành Dược ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực.

b) Đổi mới cơ chế phân phối, bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác.

c) Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược, thực phẩm, thiết bị y tế. Công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính trong quản lý, cấp phép, mua sắm thuốc, thiết bị y tế.

d) Nâng cao năng lực sản xuất thiết bị y tế trong nước; thiết lập hệ thống sản xuất, kiểm chuẩn, kiểm nghiệm, kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế.

đ) Phát triển dược liệu và các sản phẩm từ nguồn dược liệu trong nước thành lĩnh vực sản xuất hàng hóa có chất lượng và giá trị cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và trên thế giới.

e) Đầu tư mua sắm, trang bị một số trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ chuyên môn. Huy động các

nguồn lực, đầu tư trang thiết bị y tế công nghệ cao, thế hệ mới, nhưng vẫn đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng các thiết bị đã có.

g) Rà soát, đầu tư trang thiết bị y tế tại tuyến y tế cơ sở (đặc biệt tại trạm y tế) đảm bảo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế về việc quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã.

8. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Mở rộng ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám bệnh, chữa bệnh thông minh, quản trị y tế thông minh và hướng đến 2 nhóm hoạt động theo thứ tự ưu tiên đó là hoạt động chuyển đổi số để giảm phiền hà và than phiền của người dân; hoạt động xây dựng y tế thông minh để tạo thêm tiện ích và tăng sự hài lòng của người dân.

b) Triển khai đồng bộ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của ngành y tế; lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

c) Duy trì và củng cố việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn quốc.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế để tăng cường sự tiếp cận của người dân đến các thông tin y tế.

9. Đổi mới tài chính y tế và bảo hiểm y tế

a) Huy động nguồn tài chính

- Đẩy mạnh xã hội hoá; đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh lành mạnh để khuyến khích y tế tư nhân phát triển.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Huy động các nguồn viện trợ, tài trợ, vay ưu đãi trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

b) Phân bổ nguồn tài chính

- Ưu tiên phân bổ ngân sách nhà nước để chi đầu tư cho y tế cơ sở, y tế dự phòng, y tế vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, công tác dân số, nghiên cứu y học, lĩnh vực tâm thần, phong.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính cho hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, ưu tiên ngân sách cho chăm sóc sức khỏe người có công, người nghèo, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư, nhân dân ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và điều kiện thực tiễn. Tăng cường kiểm soát, giám định chi phí khám bệnh, chữa

bệnh bảo hiểm y tế bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm y tế.

c) Chi trả dịch vụ y tế

- Thực hiện lộ trình giá dịch vụ theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí (cả khám bệnh, chữa bệnh và y tế dự phòng, y tế cơ sở). Nghiên cứu tiếp tục tăng mức đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp với ngân sách nhà nước, khả năng chi trả của Nhân dân. Xây dựng chính sách, mở rộng quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với sự thay đổi mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nguồn lực bảo hiểm y tế.

- Đổi mới phương thức chi trả dịch vụ y tế từ chi trả theo phí dịch vụ sang kết hợp với các phương thức chi trả khác, bao gồm thanh toán theo định suất và theo nhóm chẩn đoán liên quan.

- Áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện các gói dịch vụ y tế cơ bản; chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng.

d) Ngoài ra, bố trí kinh phí để thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực y tế theo Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2024, tầm nhìn đến năm 2065.

10. Phát triển y tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh

a) Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; tổ chức linh hoạt các mô hình kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh; phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phù hợp với điều kiện từng nơi; bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế có chất lượng cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

b) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình kết hợp quân dân y chăm sóc sức khỏe nhân dân đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chương trình phát triển y tế biển, đảo Việt Nam tại tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

c) Thực hiện kết hợp quân - dân y xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên, lực lượng huy động Ngành y tế và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự; sẵn sàng đáp ứng y tế trong các tình huống quốc phòng và an ninh.

11. Tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và truyền thông cung cấp thông tin y tế

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan và hiệu quả công tác phối hợp liên ngành, đẩy mạnh các hành động đa ngành trong chăm sóc sức khỏe. Xây dựng các kế hoạch hành động liên ngành trong chăm sóc sức khỏe nói chung và đặc biệt trong chuẩn bị và ứng phó có hiệu quả với các tình huống khẩn cấp, dịch bệnh.

b) Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các nước, các tổ chức quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược.

c) Chủ động đàm phán và thực hiện có hiệu quả các hiệp định hợp tác song phương và đa phương về y tế. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của y học Việt Nam.

d) Hải hoà hoá các thủ tục, quy trình với khu vực và thế giới về y tế. Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực.

đ) Triển khai công tác cung cấp thông tin y tế đồng bộ, minh bạch, chính xác, kịp thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông sâu rộng về các nhiệm vụ trọng tâm, các thành tựu, kết quả hoạt động của công tác y tế, các tấm gương điển hình cán bộ nhân viên y tế, y đức, y nghiệp và truyền thống lịch sử ngành y tế.

12. Hoàn thiện hệ thống thể chế, tăng cường quản lý nhà nước về y tế

a) Tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về y tế trên cơ sở bám sát thực tiễn, phát hiện nhanh các vấn đề phát sinh và kịp thời điều chỉnh quy định của pháp luật có liên quan. Tăng cường năng lực dự báo, phân tích và đề xuất chính sách trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và lựa chọn mô hình mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị minh bạch, hiệu quả. Thực hiện các hoạt động truyền thông vận động chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thực thi chính sách.

b) Xây dựng và thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế công lập bảo đảm tinh gọn, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

c) Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Áp dụng mô hình quản trị phù hợp đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

d) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao năng lực quản lý, quản trị của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai minh bạch, kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng để kịp thời động viên công chức, viên chức, người lao động vượt khó, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

đ) Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, ứng dụng công nghệ thông tin, trí

tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, duy trì dịch vụ công cấp độ 4 trong các lĩnh vực quản lý của ngành Y tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chiến lược được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, người dân, viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cơ sở liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Kế hoạch, xây dựng Kế hoạch hoạt động giai đoạn và dự toán chi tiết hằng năm gửi Sở Tài chính thẩm định cấp kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Chỉ đạo, giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn về y tế theo thẩm quyền; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế, các cơ quan báo chí trên địa bàn tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, các nội dung của Kế hoạch.

- Hằng năm, phối hợp với các địa phương, sở, ban, ngành liên quan xây dựng dự toán ngân sách triển khai thực hiện Kế hoạch gắn với kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế của tỉnh, Kế hoạch đầu tư công gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương rà soát, thống kê, đánh giá, sắp xếp danh mục đề án, dự án ưu tiên đầu tư lĩnh vực y tế tại Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; tổng hợp báo cáo và kịp thời đề xuất kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai cho Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển lĩnh vực y tế vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 05 năm và hàng năm của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công cho các chương

trình, dự án phát triển mạng lưới y tế thuộc cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy y tế của tỉnh phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và bảo đảm hoạt động hiệu quả nhất phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Tham mưu chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực cán bộ có trình độ cao, đặc biệt là đối tượng bác sĩ về công tác tại tuyến y tế cơ sở.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trường học trong các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em và học sinh trong trường học. Kiện toàn hệ thống y tế trường học, bảo đảm nguồn nhân lực và chế độ đãi ngộ phù hợp trong việc thực hiện công tác sức khỏe học đường, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường và Chương trình y tế trường học trong các trường mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng các chính sách an sinh xã hội, an toàn vệ sinh lao động, các đối tượng chính sách, đối tượng trợ giúp xã hội thụ hưởng các chính sách y tế liên quan (người nghèo, người cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động và người lao động không có hợp đồng lao động...); đảm bảo an toàn cho trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, ưu tiên những nghiên cứu về nâng cao chất lượng chăm sóc, phục vụ người bệnh.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổng hợp đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất danh mục các dự án, cơ sở y tế cả công lập và ngoài công lập phải thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định. Lòng ghép tuyên truyền về các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Gắn việc khai

thác tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế tác hại của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.

9. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình vận động toàn dân luyện tập thể dục thể thao bảo vệ, nâng cao sức khỏe. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, đề án thể dục thể thao trong trường học nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực của người dân tại tỉnh; xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp an toàn du lịch, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

10. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế nghiên cứu cung cấp sản phẩm du lịch kết hợp với chữa bệnh, chăm sóc y tế, tạo điểm đến hấp dẫn thu hút khách du lịch, phối hợp thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền, truyền thông rộng rãi mục đích, ý nghĩa, các nội dung của Kế hoạch và các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, kiến thức pháp luật lĩnh vực y tế đến người dân trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

- Bảo đảm cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực nông thôn, hướng dẫn xử lý và cấp nước quy mô hộ gia đình khu vực nông thôn.

13. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

14. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đảm bảo cung cấp nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt tại khu vực đô thị.

- Xây dựng và đảm bảo các quy chuẩn quốc gia đối với các công trình xây dựng để đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng, chống bệnh tật trong quá trình sử dụng của cộng đồng trong phạm vi lĩnh vực được phân công quản lý.

15. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích trong phạm vi được phân công quản lý.

16. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng hệ thống văn kiện bảo đảm y tế cho các trạng thái quốc phòng; hướng dẫn xây dựng lực lượng y tế dự bị động viên và lực lượng huy động ngành y tế trong tình trạng khẩn cấp.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế và các địa phương xây dựng kế hoạch tổng thể kết hợp quân dân y bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và bộ đội, góp phần củng cố an ninh quốc phòng tại các khu vực vùng hải đảo.

17. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan triển khai các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn trong cơ sở y tế; ngăn chặn, đẩy lùi hành vi vi phạm trong lĩnh vực y tế.

18. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

19. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Rà soát, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm y tế và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người tham gia bảo hiểm y tế. Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế sử dụng quỹ bảo hiểm y tế cho y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

20. Các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vào hoạt động của đơn vị. Định kỳ thông tin, báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

21. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình tại địa phương, đưa mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện và chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bố trí đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thực hiện lồng ghép Kế hoạch này với các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án khác để triển khai thực hiện hiệu quả tại địa phương theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

- Bố trí đất cho phát triển y tế công lập và ngoài công lập; cân đối đủ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí hỗ trợ các chương trình, đề án.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; tổng hợp báo cáo và kịp thời đề xuất kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Y tế).

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan trong việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch cấp tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch cấp huyện theo quy định.

22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chủ động chăm sóc sức khỏe của bản thân và cộng đồng. Tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Định kỳ hàng năm và 5 năm, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và Tổ chức CT-XH;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ CƠ BẢN

(Kèm theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2030
	Chỉ số đầu vào			
1	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Người	15	19
2	Số dược sĩ trên 10.000 dân	Người	3,4	4,0
3	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	25	33
4	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Người	60	120
5	Chi ngân sách cho y tế dự phòng trên tổng chi ngân sách nhà nước cho y tế	%	30	>30
	Chỉ số hoạt động			
6	Tỉ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	> 95	> 99
7	Tỉ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	≥ 95%	≥ 95%
8	Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	70	90
9	Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	50	70
10	Tỉ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	95	100
	Chỉ số kết quả			
11	Mức độ bao phủ các dịch vụ y tế thiết yếu (thang điểm 100)	Điểm	70	75
12	Tỉ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	> 99,3	100
13	Tỉ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%		100
14	Tỉ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	80	90

15	Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét vào năm 2030			
15.1	Số ca nhiễm HIV mới được phát hiện hàng năm trên 100.000 dân	Ca		0,95
15.2	Số ca mắc mới lao trên 100.000 dân	Ca	100	50
15.3	Số ca mắc mới sốt rét trên 100.000 dân	Ca	Duy trì kết quả Loại trừ SR	Duy trì kết quả Loại trừ SR
	Chỉ số tác động			
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Năm	74,5	75
17	Số năm sống khỏe mạnh tính từ lúc sinh	Năm	≥ 67	≥ 68
18	Tổng tỉ suất sinh	Con/phụ nữ	2,24	2,1
19	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	trên 1.000 trẻ đẻ sống	18,2	10
20	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	trên 1.000 trẻ đẻ sống	28,4	15
21	Tỉ số tử vong mẹ	trên 100.000 trẻ đẻ sống	42	38
22	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	8,8	8,0
23	Chiều cao trung bình của thanh niên 18 tuổi			
	Nam	cm	167	168,5
	Nữ	cm	156	157,5